

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLTV ngày tháng 4 năm
2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lương Thế Vinh)

Tên chương trình: Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Mã ngành: 7220201

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân tiếng Anh có chất lượng tốt, có năng lực giao tiếp tiếng Anh thành thạo (tương đương bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); có kiến thức ngành và chuyên ngành nền tảng và nâng cao để đáp ứng yêu cầu công việc; có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh; được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết đáp ứng yêu cầu của xã hội trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở các bậc cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản đạt bậc 6 *Khung trình độ quốc gia Việt Nam* về lí luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật; có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hoá - xã hội, kinh tế chính trị; có kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Anh để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là công tác biên phiên dịch.

Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật để làm việc độc lập với tư cách là một biên, phiên dịch viên, nhân viên giao dịch quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh để nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ:

Có năng lực sử dụng tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 Khung NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam trong những công việc có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là biên phiên dịch.

1.2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp:

Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ Anh, lý luận và phương pháp dịch thuật vào giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếng Anh và công tác biên, phiên dịch; lập và thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Dịch được các văn bản, diễn ngôn ở nhiều dạng thức khác nhau như dịch theo chủ đề, dịch theo thể loại văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Viết báo cáo, trình bày bài thuyết trình hoặc biên tập các bài báo, các văn bản hoặc các ấn phẩm dịch thuật.

1.2.2.3. Kỹ năng khác

Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề: Có kỹ năng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu: Có kỹ tự học, tự nghiên cứu để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện, môi trường công tác thực tế.

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

1.2.3. Thái độ

Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước, các qui chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, của nhà trường; có ý chí vươn lên trong học tập; tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường đại học và cộng đồng xã hội.

1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2.5. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận được các vị trí:

Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các NXB, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí,...

Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý, v.v., trong các công ty có sử dụng tiếng Anh;

Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn;

Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.

1.2.6. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

- + Thạc sĩ Tiếng Anh;
- + Thạc sĩ Ngôn ngữ học;
- + Tiến sĩ Tiếng Anh;
- + Tiến sĩ Ngôn ngữ học;

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Vận dụng được kiến thức về lí luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật vào thực tiễn cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp;

Sử dụng kiến thức tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam để giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch hoặc làm các công việc có sử dụng tiếng Anh. Vận dụng kiến thức chuyên sâu và kỹ năng về nghiệp vụ để thực hiện công tác biên dịch, phiên dịch trong môi trường hội nhập quốc tế;

Phân tích, đánh giá được những giá trị văn hóa, ngôn ngữ, văn hoá - xã hội, những vấn đề về kinh tế chính trị để hoạt động có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như biên phiên dịch hoặc các công việc liên quan đến sử dụng tiếng Anh;

Áp dụng kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật, tiếp cận và vận dụng được kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ trong thực tiễn hoạt động biên, phiên dịch tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân.

Vận dụng tốt các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh, các kỹ năng mềm và kỹ năng xây dựng, quản lý dự án trong nghề nghiệp tương lai và cuộc sống.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ:

Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam trong giao tiếp và trong những công việc như giảng dạy, biên phiên dịch hoặc các công việc liên quan đến sử dụng tiếng Anh.

Đọc hiểu được nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; viết các dạng bài viết một cách chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.

Nghe hiểu được những bài nghe, các thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn vận hành, chi tiết kỹ thuật, các sản phẩm và dịch vụ không quen thuộc; diễn đạt trôi chảy, linh hoạt và hiệu quả, làm chủ và sử dụng thành thạo vốn từ vựng phong phú; sử dụng chính xác, tự tin và hiệu quả cách phát âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp.

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

Dịch được các văn bản, diễn ngôn ở nhiều dạng thức khác nhau như dịch theo chủ đề, dịch theo thể loại văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Viết báo cáo, trình bày bài thuyết trình hoặc biên tập các bài báo, các văn bản hoặc các ấn phẩm dịch thuật.

2.2.3. Kỹ năng khác

- * Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề
 - Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.
 - Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân một cách chủ động, có hệ thống; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.
 - Thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp.
- * Khả năng nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ
 - Hình thành giả thuyết, thu thập và phân tích, xử lý thông tin hoặc tham gia nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa Anh.
 - Thuyết trình, giao tiếp tốt, làm việc độc lập và làm việc nhóm một cách

hiệu quả.

* Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác.
- Tổ chức được các hoạt động chuyên môn khác, đảm bảo tính khả thi,

sát hoàn cảnh và điều kiện, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác.

* Năng lực sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Giao tiếp được bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

* Vận dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. **Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 121 Tín chỉ (không kể GDTC và GDQP)

4. **Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông, TH chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học hoặc tương đương

5. **Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và

6. **Cách đánh giá:** Theo quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quy chế đào tạo Đại học của trường Đại học Lương Thế Vinh.

7. **Nội dung chương trình đào tạo & Kế hoạch giảng dạy.**

T T	Mã học phần	Tên học Phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				ĐK tiên quyết	Học kỳ
				LT	BT, TL	TH	TH		
A	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		37						
I	Lý luận chính trị		13				168		
1	171001	Triết học Mác-Lênin	3	36	48				1
2	171002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	27	36		135	1	2
3	171003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	18	24		90	1,2	3
4	171004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	27	36		135	1,2,3	4
5	171005	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	18	24		90		4
II	Ngoại ngữ II		10						
6	132001	Tiếng Trung Quốc I	4	36	24	24	180		4
7	132002	Tiếng Trung Quốc II	3	27	18	18	135	6	4
8	132003	Tiếng Trung Quốc III	3	27	18	18	135	7,8	4
III	Tin học, KHXH, Môi trường		14						
9	141001	Tin học	2	10		40	90		1
10	121001	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2	18	24		90		2
11	121002	Môi trường và con người	2	18	24		90		1
12	122001	Phương pháp NCKH	2	18	24		90		4
13	161001	Tâm lý đại cương	2	18	20	4	90		2
14	122002	Kỹ năng phiên dịch	2	18	24		90		4
15	Chọn 1 trong 2 học phần								
a	122003	Kỹ năng trả lời phỏng vấn	2	18	24		90		3

b	122004	Phương pháp thuyết trình	2		40		90		7
IV	Giáo dục thể chất		4						
	181001	Giáo dục thể chất	2		40				2
	181001	Giáo dục thể chất	2		40				2
V	Giáo dục quốc phòng		165						
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		83						
I	Kiến thức cơ sở ngành		7						
16	131001	Ngữ Pháp	3	27	36		90		1
17	131002	Ngữ Pháp Nâng cao	2	18	24		90	16	3
18	Chọn 1 trong 2 học phần		2						
a	131003	Ngữ âm	2	18	12	12	90		2
b	131004	Luyện âm tiếng anh	2	18	12	12	90		2
II	Kiến thức ngành		53						
19	133001	Lý thuyết dịch	2	18	24		90		3
20	133002	Biên dịch 1	2	18	12	12	90	19,29,30	5
21	133003	Biên dịch 2	3	27	18	18	135	20,31,32	6
22	133004	Biên dịch 3	2	18	12	12	90	21,33,34	7
23	133005	Phiên dịch 1	2	18	12	12	90	20,29,30	6
24	133006	Phiên dịch 2	2	18	12	12	90	23	7
25	133007	Phiên dịch 3	2	18	12	12	90	24	
25	133008	Kỹ năng Nghe Nói 1	3	27	18	18	135		1
26	133009	Kỹ năng Đọc Viết 1	3	27	18	18	135		1
27	133010	Kỹ năng Nghe Nói 2	3	27	18	18	135	25	2

28	133011	Kỹ năng Đọc Viết 2	3	27	18	18	135	26	2
29	133012	Kỹ năng Nghe Nói 3	3	27	18	18	135	27	3
30	133013	Kỹ năng Đọc Viết 3	3	27	18	18	135	28	3
31	133014	Kỹ năng Nghe Nói 4	3	27	18	18	135	29	4
32	133015	Kỹ năng Đọc Viết 4	3	27	18	18	135	30	4
33	133016	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	27	18	18	135	31	5
34	133017	Kỹ năng Đọc Viết 5	3	27	18	18	135	32	5
35	133018	Kỹ năng Nghe Nói 6	3	27	18	18	135	33	6
36	133019	Kỹ năng Đọc Viết 6	3	27	18	18	135	34	6
37	133020	Công nghệ trong dịch thuật	2	18	12	12	90	25,26	7
III	Kiến thức bổ trợ		12						
39	134001	Văn hóa học Anh Mỹ	2	18	24		90	29	7
40	134002	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	18	24		90		7
41	134003	Văn hóa doanh nghiệp	2	18	24		90		7
42	134004	Ngữ dụng học	2	18	24		90		7
43	Chọn 1 trong 2 học phần								
a	134005	Ngôn ngữ học tri nhận	2	18	24		90	29,30	8
b	134006	Phân tích diễn ngôn	2	18	24		90	29,30	8
44	Chọn 1 trong 2 học phần								
a	134007	Giao thoa văn hóa	2	18	24		90	29,30	7
b	134008	Giao tiếp liên văn hóa	2	18	24		90	29,30	7
IV	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		12						
45	135001	Thực tập tốt nghiệp	6	0	0		135		8
46	135002	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0		135		8
47	Học phần thay thế khóa luận								
a	135003	Tiếng anh Du lịch	3	27	36		135	29,30	8
b	135004	Tiếng anh Kinh tế	3	27	36		135	29,30	8

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh quy định nội dung tổng thể các hoạt động giáo dục của một khóa học thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bố thời gian theo quy định hướng dẫn tại: Văn bản hợp nhất số 17/VBHN- BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

8.2. Chương trình được thiết kế trên cơ sở chương trình khung của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình được cấu trúc thành 2 khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

8.3. Thời gian và kế hoạch đào tạo:

- Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khóa học được quy định như sau:

Khóa học đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

- Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

- Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

- Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: Thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, cộng với 2 học kỳ đối với các khóa học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khóa học từ 3 đến dưới 5 năm; 6 học từ 5 đến 6 năm.

Tùy theo điều kiện đào tạo của nhà trường, Hiệu trưởng quy định thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian

thiết kế cho chương trình đó. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

8.4. Học phần và tín chỉ:

- Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

- Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

- Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Đối với những chương trình, khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học trình, thì 1,5 đơn vị học trình được quy đổi thành 1 tín chỉ. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Trong các trường hợp khác Hiệu trưởng nhà trường sẽ quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của trường.

8.5. Điều kiện thực hiện:

- Về giảng viên: Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình phải có trình độ từ Thạc sĩ trở lên, có kinh nghiệm dạy ngành Ngôn ngữ Anh, đã qua

ng nghiệp vụ sư phạm, có lòng yêu nghề và nhiệt huyết với sự nghiệp giáo dục. Ngoài giảng viên cơ hữu, định kì nhà trường mời giảng viên thỉnh giảng của các trường đại học có kinh nghiệm hoặc chuyên gia của các công ty du lịch, cơ quan tổ chức khác có uy tín tham gia giảng dạy, hội thảo chuyên đề hoặc giao lưu với sinh viên đối thoại trực tiếp về định hướng nghề nghiệp.

- Về phương pháp giảng dạy: Chủ yếu áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, tích cực, với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Phát huy tính chủ động, sáng tạo, của người học trong việc tiếp cận, lĩnh hội tri thức.

- Về phương tiện giảng dạy và học tập: Đảm bảo về tiêu chuẩn phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, với các trang thiết bị phương tiện (máy tính, máy chiếu, Radio,...)nhằm hỗ trợ người dạy và người học khai thác tối đa các ứng dụng khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Thư viện của Nhà trường cung cấp đầy đủ giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, phương tiện thực hành phục vụ người dạy và người học trong quá trình giảng dạy và học tập.

8.6. Quy trình tổ chức đào tạo thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

8.7. Việc tổ chức kiểm tra và thi học phần đánh giá kết quả học tập của sinh viên thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

8.8. Việc tổ chức thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

8.9. Phòng Quản lý đào tạo Đại học theo dõi các Khoa chuyên môn liên quan thực hiện các hoạt động dạy và học điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo theo yêu cầu thực tế đáp ứng nhu cầu xã hội và doanh nghiệp.

8.10. Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo để triển khai thực hiện trong phạm vi Nhà trường.

Nam Định, ngày tháng 4 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS Mai Quốc Chánh